

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 682/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tuyền

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Trần Thị Đung
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 379/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Y**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông **La Vĩnh Q**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: tổ B, ấp M, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:

Bà và ông La Vĩnh Q bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2003 do hai bên

tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/4/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, không tôn trọng nhau, chồng không quan tâm chăm sóc vợ con, đuổi vợ con ra khỏi nhà và có hành vi bạo lực với bà. Hai bên sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông La Vĩnh Q.

Về con chung: Bà và Quang có 01 con chung tên là La Đại V, sinh ngày: 12/9/2005 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà Y không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Bị đơn ông La Vĩnh Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hoàng Yến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y khởi kiện xin ly hôn với ông La Vĩnh Q nên Tòa án xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ kết quả xác minh do Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì bị đơn ông La Vĩnh Q có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông La Vĩnh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông La Vĩnh Q Bị đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông Q đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn ngày 10/10/2023 của Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông La Vĩnh Q có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2004. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của bà Y và ông Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng Y: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông La Vĩnh Q với lý do ông Q không quan tâm chăm sóc vợ con, có hành vi bạo lực, đuổi vợ con ra khỏi nhà, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay.

[6] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

[7] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[8] Hội đồng xét xử xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và được xây dựng từ tình cảm yêu thương từ hai phía, vợ chồng cần có sự chăm sóc, chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau. Nhưng theo lời khai của bà Y thì trong thời gian chung sống, bà và ông Q có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, chia sẻ của ông Q và hai bên đã sống ly thân trong thời gian dài. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Y và ông Q không còn hạnh phúc. Bên cạnh đó, ông Q đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do, không nộp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu ly hôn của bà Y. Điều này chứng tỏ ông Q không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, bỏ mặc hôn nhân cho bà Y tự định đoạt. Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở xác

định quan hệ hôn nhân của bà Y và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa. Do đó, bà Y yêu cầu ly hôn với ông Q là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về con chung: Bà Y và ông Q có 01 con chung tên là La Đại V, sinh ngày: 12/9/2005. Xét thấy, trẻ La Đại V đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[11] Về nợ chung: Bà Y xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng Y về việc yêu cầu ly hôn với ông La Vĩnh Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y được ly hôn với ông La Vĩnh Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 028/2004 đăng ký ngày 02/4/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông La Vĩnh Q có 01 (một) con chung tên là La Đại V, sinh ngày: 12/9/2005. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Hoàng Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0033216 ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông La Vĩnh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Lê Thị Kim Tuyền**